TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 131/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27/11/2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Huy.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Lê văn Tám.

+ Ông Trần Văn Tám.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh An, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang: Bà Phạm Trà My, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 326/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2019 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Võ H, sinh năm 1979 (có mặt);

Địa chỉ: khu phố B, phường M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Thái Thị M, sinh năm 1987 (vắng mặt);

Địa chỉ: khu phố B, phường M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 13 tháng 8 năm 2019 và quá trình tố tụng, nguyên đơn Võ H trình bày:

Ông và bà Thái Thị M kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện C, tỉnh Tiền Giang năm 2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung rất hạnh phúc, đến khoảng năm 2018 phát sinh mâu thuẫn do vợ có

quan hệ bất chính với người khác, mặc dù ông đã nhiều lần khuyên ngăn và tạo cơ hội cho vợ sửa chữa để hàn gắn tình cảm, nhưng vợ không thay đổi, làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm không còn và đã ly thân từ đầu năm 2018. Nhận thấy vợ chồng sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Thái Thị M.

Về quan hệ con chung: có 01 con chung tên Võ T, sinh ngày 26/01/2011, hiện đang sống chung với mẹ tại Phường M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Ông Võ H yêu cầu giao cho bà Thái Thị M được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, ông không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản khai ngày 04 tháng 9 năm 2019, bị đơn Thái Thị M trình bày: bà và ông Võ H kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L ngày 03/10/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2013 phát sinh mâu thuẫn là do ông Võ H thường xuyên say rượu, có hành vi bạo lực gia đình, hủy hoại tài sản. Do bất mãn chồng nên bà bị sa ngã. Bà đồng ý ly hôn với ông Võ H vì không thể hàn gắn được.

Về con chung: có 01 con chung tên Võ T, sinh ngày 26/01/2011. Bà Thái Thị M yêu cầu được nuôi con chung sau khi ly hôn.

Về tài sản: tài sản chung gồm có 01 căn nhà và đất, 01 xe đạp điện; tài sản riêng của bà Thái Thị M gồm có 01 xe máy, 01 tủ lạnh. Bà Thái Thị M yêu cầu chia phần đối với nhà và đất; ông Võ H phải trả lại tài sản riêng cho bà.

Về nợ chung: nợ khoảng 66.500.000 đồng. Bà Thái Thị M yêu cầu giải quyết chia mỗi người phải chịu trả 50% số tiền nợ.

* Trong quá trình tố tụng, ông Võ H cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau: Bản tự khai ngày 13/8/2019; bản sao Giấy khai sinh con chung; Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao Sổ HKTT của Võ H và Thái Thị M; bản sao Giấy chứng minh nhân dân của Võ H; Bản tự khai của con chung; Giấy chứng nhận kết hôn. Bà Thái Thị M cung cấp tài liệu, chứng cứ: Bản khai ngày 01/9/2019. Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ: Biên bản xác minh nguyên nhân tranh chấp ly hôn, điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

* Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố

tụng trong quá trình xét xử vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm. Về giải quyết vụ án, căn cứ các điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Võ H, cho ông Võ H ly hôn với bà Thái Thị M, giao con chung cho bà Thái Thị M trực tiếp nuôi, ông Võ H không phải cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản và nợ chung của vợ chồng không yêu cầu giải quyết, ông Võ H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: bị đơn Thái Thị M được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ H và bà Thái Thị M tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 188, đăng ký ngày 03/10/2008. Quá trình sống chung, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn do không phù hợp nhau về quan điểm sống, bà Thái Thị M có quan hệ tình cảm khác và từ đó hai bên ly thân cho đến nay. Xét thấy, hôn nhân giữa ông Võ H và bà Thái Thị M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, do vậy, yêu cầu xin ly hôn của ông Võ H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về quan hệ con chung: Ông Võ H và bà Thái Thị M có 01 con chung tên Võ T, sinh ngày 26/01/2011, hiện đang sống chung với mẹ. Xét thấy, từ lúc vợ chồng ly thân, con chung sống với bà Thái Thị M và được bà nuôi dưỡng, chăm sóc chu đáo, mặt khác ông Võ H cũng đồng ý giao cho bà Thái Thị M nuôi sau khi ly hôn. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử giao cho bà Thái Thị M tiếp tục nuôi con chung sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 58, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, ông Võ H và bà Thái Thị M có quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Thái Thị M không có yêu cầu về việc buộc ông Võ H cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về quan hệ tài sản: Bà Thái Thị M yêu cầu giải quyết quan hệ tài sản chung, tuy nhiên yêu cầu của bà đưa ra sau thời điểm Tòa án mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Mặt khác, yêu cầu khởi kiện của ông Võ H không yêu cầu giải quyết về quan hệ tài sản chung. Căn cứ Điều 5, Khoản 3 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét xử lý trong vụ án này.

[5]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án, ông Võ H phải chịu án phí sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000đồng.

[6]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Võ H. ông Võ H được ly hôn với bà Thái Thị M.

2. Về quan hệ con chung: Giao bà Thái Thị M trực tiếp nuôi con chung tên Võ T, sinh ngày 26/01/2011. Ông Võ H không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông Võ H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng: Ông Võ H phải chịu toàn bộ. Chuyển 300.000đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm mà ông Võ H đã nộp (biên lai thu số 0000101 ngày 13/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang) thành án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Võ H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bà Thái Thị M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- UBND Phường M, thị xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lê Huy